

Số: /HD-STC

Trà Vinh, ngày tháng 05 năm 2021

## **HƯỚNG DẪN**

### **Về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026**

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 64/UBBC-TCV ngày 19/3/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn chi và bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Công văn số 1806/UBND-KT ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc mức chi, bổ sung kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026;

Sở Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, như sau:

#### **I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách tỉnh hỗ trợ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách địa phương, UBND cấp huyện, cấp xã xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã để phục vụ công tác bầu cử tại địa phương.

2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

3. Kết thúc bầu cử, các cơ quan, đơn vị, địa phương có phân bổ kinh phí bầu cử phải quyết toán số kinh phí sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cấp trên và có đơn vị có liên quan.

## II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### 1. Nội dung chi, mức chi, thời gian hỗ trợ

#### 1.1. Chi tổ chức hội nghị:

*a) Về chi Hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc cử tri với những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026*

- Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, thuê phòng nghỉ: thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh.

Riêng Hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc cử tri với những người ứng cử HĐND cấp xã tổ chức tại ấp, khóm: chi hỗ trợ tiền xăng xe trên cơ sở bảng kê số kilomet thực tế.

- Về việc chi tiền nước uống cho cử tri và những người không hưởng lương ngân sách: Vận dụng mức chi theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh, Sở Tài chính hướng dẫn mức chi tiền nước uống là 30.000đ/người/cuộc (bao gồm cả các cuộc tiếp xúc của ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp).

Đơn vị tổ chức chi trả lập danh sách, có ký nhận và phát tiền cho cử tri và những người không hưởng lương ngân sách tham dự Hội nghị.

- Chi tiền nước uống cho đại biểu tham dự Hội nghị: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu. Tuy theo tình hình thực tế, cơ quan, đơn vị tổ chức Hội nghị thực hiện thanh, quyết toán như sau: Thanh toán theo hóa đơn (do Người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ lập Hóa đơn) hoặc lập danh sách, có ký nhận và phát tiền cho người tham dự Hội nghị.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là những người không hưởng lương ngân sách: Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh. Đơn vị tổ chức chi trả lập danh sách, có ký nhận và phát tiền cho những người không hưởng lương ngân sách tham dự Hội nghị.

**Các nội dung còn lại như:** chi thuê hội trường (nếu có); văn phòng phẩm; trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị (kể cả chi phí phục vụ nước uống, chi phí phòng, chống dịch Covid-19) thực hiện theo quy định hiện hành.

- **Đơn vị thực hiện chi:** Do Ủy ban bầu cử cấp huyện quyết định đơn vị chi trả (Ủy ban bầu cử cấp huyện chi hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện chi hoặc Ủy ban bầu cử cấp xã chi).

*b) Các hội nghị khác:* Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh.

**1.2. Chi tổ chức tập huấn cho những người tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử:** Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### 1.3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử tỉnh, huyện, xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	200.000	150.000	100.000
Thành viên tham dự	100.000	90.000	80.000
Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

Đơn vị tính: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ trì cuộc họp	150.000	120.000	100.000
Thành viên tham dự	80.000	70.000	60.000
Các đối tượng phục vụ	50.000	50.000	50.000

**1.4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh, huyện, xã:**

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Chi bồi dưỡng

ĐVT: đồng/người/buổi

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	200.000	150.000	100.000
Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	100.000	90.000	80.000
Cán bộ, công chức, viên chức và những người (trung dụng bầu cử) phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	80.000	70.000	60.000
Cán bộ, công chức, viên chức và những người (trung dụng bầu cử) phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát (lái xe, bảo vệ)	50.000		

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết

quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo bầu cử, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp:

ĐVT: đồng/báo cáo

Mức chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	1.500.000	900.000	700.000

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo khoán chi cho từng cấp:

Mức chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	500.000	400.000	300.000

### 1.5. Chi xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết

ĐVT: đồng/báo cáo

Loại báo cáo	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Báo cáo sơ kết	1.000.000	700.000	500.000
Báo cáo tổng kết	2.000.000	1.500.000	1.000.000

### 1.6. Chi bồi dưỡng cho những người phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

ĐVT: đồng/người/tháng

Đối tượng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban Chỉ đạo và Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Thư ký Ban Bầu cử các cấp	2.000.000	1.500.000	1.000.000
Thành viên: Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ban Chỉ đạo các cấp; Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp	1.800.000	1.200.000	800.000
Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; kế toán, thủ quỹ Ủy ban bầu cử các cấp	1.600.000	1.000.000	600.000

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc các cấp có hiệu lực, đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (bao gồm cả lực lượng công an, quân sự); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không

bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**1.7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người phục vụ trong đợt bầu cử: Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử, Tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc**

DVT: đồng/người/tháng

Mức chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	400.000	300.000	200.000

Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính từ thời gian văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập Ban Chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ giúp việc các cấp có hiệu lực, đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

**1.8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử**

- a) Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi.
- b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi.
- c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

**1.9. Chi đóng hòm phiếu:**

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

**1.10. Chi khắc dấu:**

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

**1.11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:**

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

**1.12. Chi nhuận bút, thù lao đối với công/trang thông tin điện tử của Sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp:** Thực hiện theo quy định tại

Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức chi nhuận bút, thù lao đối với Cổng/Trang thông tin điện tử, tài liệu không kinh doanh và Đài Truyền thanh cấp huyện, Trạm Truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**1.13. Chi công tác tuyên truyền, in ấn:** Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

**1.14. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử bao gồm:** chi văn phòng phẩm, chi hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử: mức chi cụ thể thực hiện theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn, chứng từ, danh sách ký nhận, bảng kê,... trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

## **2. Nguồn kinh phí**

**2.1. Đối với nội dung chi còn thừa so với kinh phí được phân bổ theo Quyết định số 37/QĐ-UBBC ngày 01/3/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh**

Trong phạm vi kinh phí được phân bổ, Ủy ban bầu cử các cấp được điều chỉnh sang thực hiện các nhiệm vụ chi khác phục vụ công tác bầu cử còn thiếu so với thực tế phát sinh.

**2.2. Đối với kinh phí ngân sách tỉnh bố trí cho địa phương còn thiếu so với kinh phí được phân bổ theo Quyết định số 37/QĐ-UBBC và các nhiệm vụ thực tế phát sinh ngoài kinh phí được giao theo Quyết định số 37/QĐ-UBBC ngày 01/3/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh:**

Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và khả năng ngân sách, Ủy ban bầu cử cấp huyện, cấp xã báo cáo UBND cùng cấp sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã để bổ sung cho Ủy ban bầu cử cấp huyện, cấp xã phân kinh phí ngân sách tỉnh bố trí cho địa phương còn thiếu so với kinh phí được phân bổ theo Quyết định số 37/QĐ-UBBC và các nhiệm vụ thực tế phát sinh ngoài kinh phí được giao theo Quyết định số 37/QĐ-UBBC ngày 01/3/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh. Sở Tài chính sẽ tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí cho ngân sách cấp huyện, cấp xã theo khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh.

***Riêng việc chi bồi dưỡng, khoán cước phí điện thoại di động cho những người phục vụ trong đợt bầu cử thực hiện theo Công văn số 64/UBBC-TCV ngày 19/3/2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh.***

**2.3. Để đảm bảo kinh phí kịp thời cho Tổ bầu cử, địa phương sử dụng ngân sách địa phương (dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã) để bổ sung thêm cho mỗi Tổ bầu cử bằng hình thức khoán **2.000.000 đồng**, chứng từ thanh, quyết toán là Biên nhận ký nhận tiền khoán cho mỗi Tổ bầu cử; đồng thời **thực hiện mua máy đo thân nhiệt** bố trí cho Tổ bầu cử phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, địa phương lập báo cáo quyết toán kinh phí bầu cử**

gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét quyết định.

### **3. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí**

#### **3.1. Lập dự toán, phân bổ kinh phí bầu cử**

a) Sở Nội vụ (Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh báo cáo dự toán kinh phí tổ chức bầu cử trên địa bàn tỉnh về Văn phòng Hội đồng bầu cử Quốc gia, Bộ Tài chính theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương: Căn cứ số kinh phí được phân bổ tại Quyết định số 3909/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh, nội dung chi và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh và Hướng dẫn của Sở Tài chính, căn cứ vào tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương để lập dự toán chi, gửi Ủy ban bầu cử và cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và theo dõi, tổng hợp.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao kinh phí phục vụ bầu cử tự chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung chi kinh phí bầu cử đảm bảo quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích và có hiệu quả.

#### **3.2. Về việc mở mã quan hệ ngân sách cho Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện**

Tiến hành mở mã quan hệ ngân sách mới cho Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện hoặc sử dụng lại mã quan hệ ngân sách của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp huyện nhiệm kỳ 2016-2021.

Ủy ban bầu cử các cấp được cấp kinh phí bằng dự toán theo chương, loại, khoản cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: Chương 560, Loại: 340, Khoản: 341;
- Cấp huyện: Chương 760, Loại: 340, Khoản: 341;
- Cấp xã: Chương 860, Loại: 340, Khoản: 341.

#### **3.3. Đối với phân bổ kinh phí bầu cử của các ngành**

- Về việc điều chỉnh dự toán để bổ sung cho Ủy ban bầu cử các cấp:

+ Đối với cấp tỉnh: Trường hợp dự toán đầu năm đã phân bổ cho Sở Nội vụ, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình thường trực HĐND điều chỉnh giảm dự toán của Sở Nội vụ để bổ sung cho Ủy ban bầu cử tỉnh.

+ Đối với cấp huyện: Trường hợp dự toán đầu năm đã phân bổ cho Văn phòng cấp ủy và HĐND-UBND cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện báo cáo UBND huyện trình thường trực HĐND điều chỉnh giảm dự toán Văn phòng cấp ủy và HĐND-UBND cấp huyện để bổ sung cho Ủy ban bầu cử cấp huyện.

- Các ngành có liên quan thực hiện công tác bầu cử thì thực hiện phân bổ dự toán giao cho từng ngành như Công an, Quân sự, Trung tâm Văn hóa Thông

tin và Thể thao, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp,...(không giao hết kinh phí cho Ủy ban bầu cử các cấp).

### **3.4. Đối với hạch toán mã chương, mã khoản, mã nội dung kinh tế**

- Mã chương: theo đơn vị.
- Mã khoản:
  - + Khối Quản lý nhà nước: Khoản 341.
  - + Khối Đảng: Khoản 351;
  - + Các tổ chức chính trị-xã hội: Khoản 361;
  - + Các tổ chức chính trị- xã hội-nghề nghiệp, Tổ chức xã hội, Tổ chức xã hội, Tổ chức xã hội nghề nghiệp (nếu có): Khoản 362.
  - + Các cơ quan Công an, Bộ chỉ huy Quân sự, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng: Khoản 341.

*- Các khoản chi liên quan đến công tác bầu cử, được theo dõi mã nội dung kinh tế: 7901 – Chi bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo nhiệm kỳ.*

### **3.5. Sau khi kết thúc bầu cử, các cơ quan, đơn vị, địa phương có phân bổ kinh phí bầu cử phải quyết toán số kinh phí sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định (*Đính kèm mẫu quyết toán*).**

#### a) Đối với Sở, ban, ngành tỉnh

Chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc cuộc bầu cử, lập báo cáo quyết toán kinh phí bầu cử cùng với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ bầu cử (giải trình, thuyết minh chi tiết từng nội dung chi) gửi Sở Nội vụ (Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh), Sở Tài chính. Đồng thời, cuối năm tổng hợp số kinh phí quyết toán bầu cử vào báo cáo quyết toán ngân sách năm của cơ quan, đơn vị mình.

#### b) Đối với cấp huyện, cấp xã

- Các Tổ bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử các cấp.... có trách nhiệm quyết toán với số kinh phí được giao, số đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp, bộ phận tài chính - kế toán cấp xã.

- Bộ phận tài chính - kế toán cấp xã có trách nhiệm quyết toán với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách năm theo quy định.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt quyết toán các đơn vị trực thuộc cấp huyện và tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách năm theo quy định; kiểm tra, xét duyệt quyết toán của UBND cấp xã. Đồng thời tổng hợp báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc cấp huyện và cấp xã gửi về gửi Sở Nội vụ (Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh), Sở Tài chính để tổng hợp chậm nhất 30 ngày sau khi kết thúc cuộc bầu cử.



c) Sở Tài chính

Kết thúc hoạt động bầu cử, trong vòng 90 ngày, Sở Tài chính phối hợp Sở Nội vụ (Thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh) tổng hợp gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính theo quy định.

Tổng hợp kinh phí bầu cử đã sử dụng vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 25/HD-STC ngày 3/2/2021, Công văn số 455/STC-NS ngày 8/3/2021, Công văn số 989/STC-NS ngày 30/4/2021 của Sở Tài chính.

Trên đây là hướng dẫn về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ, Sở Tài chính để được hướng dẫn xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban bầu cử tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh;
- Sở, ban ngành tỉnh (theo danh sách);
- KBNN tỉnh;
- Ủy ban bầu cử các huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Phòng TC-KH huyện, thị xã, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NS.

**GIÁM ĐỐC**

**Tiêu Thanh Tân**